

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HS-PT

Ngày: 10/5/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Thẩm phán:

Ông Trịnh Minh Tự

Ông Trần Văn Lực

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Ngà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 29/2022/TLPT - HS, ngày 21/3/2022 đối với bị cáo Nguyễn Văn A do có kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A và bị hại Nguyễn Thị Kim Th đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2022/HS – ST, ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh.

Bị cáo có kháng cáo và bị kháng cáo: **Nguyễn Văn A**, sinh năm: 1984; Nơi sinh: tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp G, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; Trình độ văn hóa: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm: 1951 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954; Có vợ là Dương Thị Thúy K, sinh năm 1992 và có 01 người con sinh năm 2013; Anh và em ruột có 04 người, lớn nhất sinh năm 1977, nhỏ nhất sinh năm 1992; Tiền án: 02 (vào ngày 07/6/2016, bị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Vào ngày 19/7/2016 bị Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản; Ngày 06/9/2016, Chánh án Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh ra Quyết định tổng hợp hình phạt tù của hai bản án đối với Nguyễn Văn A, thời hạn 04 năm tù; Ngày 24/01/2020, bị cáo A chấp hành xong hình phạt tù, nhưng chưa bồi thường dân sự số tiền 7.250.000 đồng); Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/8/2021 cho đến nay (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- *Bị hại có kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 1989; Nơi cư trú: số 77, khóm X, phường Z, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Ngoài ra, trong vụ án còn có hai bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan do không có kháng cáo, không có kháng nghị và không liên quan đến kháng cáo nên không triệu tập đến phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 30 phút ngày 04/8/2021, Nguyễn Văn A từ nhà điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 84L1-069.93 một mình đến nhà của ông Nguyễn Văn B để lấy trộm cây đàn Organ bán lấy tiền. Khi đến nơi, bị cáo dựng xe phía đối diện nhà ông B rồi đến công tắc đèn điện chiếu sáng của Hương lộ M (đèn đường nông thôn trước nhà ông B) để ngắt hệ thống điện của các đèn nhằm không bị phát hiện khi thực hiện hành vi trộm cắp. Bị cáo nhìn thấy cửa rào nhà ông B đóng, nên đi bộ ra sau nhà. Bị cáo đi vào từ nhà bếp và đi lên khu vực chữ L của nhà ông B. Bị cáo thấy ông B đang nằm ngủ một mình dưới nền nhà. Bị cáo đi vòng qua vị trí ông B đang ngủ để đến cửa nhà trước. Bị cáo thấy cửa phòng không đóng, nên đi vào phòng khách, đi xuống khu vực nhà sau, nhìn thấy bà Nguyễn Thị M (là vợ của ông B) đang ngủ trên giường. Lúc này, bị cáo nhìn thấy căn phòng cạnh cầu thang dẫn lên gác nhà có cửa khép hờ, nên bị cáo dùng tay đẩy cửa đi vào bên trong. Bị cáo sử dụng bật lửa bằng gas thắp sáng lên thì nhìn thấy bên trái vách tường có túi vải đen đựng cây đàn Organ và lấy ôm vào người đi ra khỏi phòng. Bị cáo ôm cây đàn vào hông, đi ra xe mô tô, để cây đàn lên бага phía trước và điều khiển xe đến nhà ông Lâm Văn D. Đến nơi, bị cáo điện thoại di động kêu ông D mở cửa để gửi cây đàn. Ông D nghe điện thoại, nhưng do còn ngủ, nên không đồng ý gặp, không mở cửa và hẹn bị cáo sáng sẽ gặp. Lúc này, bị cáo vào cất giấu cây đàn ở phía sau nhà của ông D và quay về nhà bị cáo. Đến khoảng 07 giờ sáng cùng ngày, bị cáo đi xe mô tô đến gặp ông D, bị cáo nói ông D cho bị cáo gửi túi vải nhưng không nói bên trong có tài sản gì và nguồn gốc từ đâu. Ông D đồng ý và kêu bị cáo để vào chuồng gà phía sau nhà. Đối với vợ chồng ông B khi phát hiện bị trộm mất cây đàn Organ đã trình báo cơ quan chức năng. Khoảng 09 giờ cùng ngày, bị cáo A đi đến nhà ông Phạm Thanh L để kêu ông L mua cây đàn. Qua lời mô tả của bị cáo về cây đàn, ông L nghi ngờ nguồn gốc cây đàn cũng như không có nhu cầu sử dụng nên không mua. Bị cáo căn dặn ông L giúp tìm người mua đàn, nếu bán được, bị cáo sẽ cho ông L tiền huê hồng. Sau khi tiếp nhận nguồn tin từ Công an xã N, Cơ quan Cảnh sát điều tra tập trung lực lượng xác minh, thu thập tài liệu và triệu tập Nguyễn Văn A làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn A đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp cây đàn của ông Nguyễn Văn B và khai nhận cất giấu cây đàn tại nhà của

ông Lâm Văn D. Cơ quan điều tra đã thu hồi cây đàn trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn B.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L yêu cầu định giá tài sản bị mất trộm gồm: Một cây đàn Organ Roland E-A7 màu đen, phím đàn đen - trắng, kèm theo bộ sạc nguồn, đàn đã qua sử dụng, được mua mới vào năm 2018; Một túi vải màu đen đã qua sử dụng dùng để đựng cây đàn Organ Roland E-A7, kích thước dài 1,06m, ngang 0,35m, rộng 0,15m, mua mới vào năm 2018; Hai sợi dây điện tròn, có vỏ ngoài đã qua sử dụng, mỗi sợi dài 4,04m, mua mới vào năm 2018 của ông B. Tại bản kết luận định giá tài sản số 67/KL-ĐGTS ngày 04-8-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: Tại thời điểm bị xâm hại, cây đàn Organ Roland E-A7 màu đen, phím đàn đen - trắng này có giá trị là 13.000.000 đồng. Và tại bản kết luận định giá tài sản số 69/KL-ĐGTS ngày 27-8-2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: Túi vải màu đen đã qua sử dụng dùng để đựng cây đàn Organ Roland E-A7 và hai sợi dây điện tròn có vỏ ngoài đã qua sử dụng có giá trị là 450.000 đồng.

Quá trình điều tra khai thác mở rộng, bị cáo Nguyễn Văn A còn khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Cụ thể là:

Vào rạng sáng ngày 15/02/2021, bị cáo A đi từ nhà mang theo một cái đèn pin màu đen, loại đội đầu có dây đeo, đi bộ đến nhà ông Lê Văn Nh là anh em bạn dì ruột với bị cáo để chơi Tết (nhằm mừng 4 Tết Nguyên đán năm 2021). Khi đến trước nhà ông Nh, thấy không có sáng đèn, bị cáo biết gia đình ông Nh ngủ, nên bị cáo đi theo đường đāl được một đoạn. Khi đi ngang nhà ông Nguyễn Văn D ở ấp Đ, xã B, huyện L, bị cáo thấy nhà không có cửa rào, nên đã nảy sinh ý định đột nhập vào nhà tìm tài sản lấy trộm. Bị cáo đi vào sân và đi đến khu vực nhà chữ L thấy có vợ chồng ông D đang nằm ngủ trên giường. Có bà Nguyễn Thị O là con ruột ông D về chơi Tết và ngủ lại. Bị cáo tiếp tục đi đến cửa, bước qua cái vōng vào khu nhà sau, rồi theo lối dẫn đi lên phòng khách, nhìn bên tay phải thấy có điện thoại di động của con ruột ông D là chị Nguyễn Thị Kim Th để trong rổ nhựa trên tường đang sạc pin cạnh giường chị Th đang ngủ. Lợi dụng mọi người đang ngủ, bị cáo lén lút dùng tay gỡ dây sạc ra khỏi điện thoại IPHONE XS MAX (IPHONE 10) và IPHONE 6 bỏ vào túi quần dài bên phải. Tiếp đó, bị cáo nhìn thấy một túi xách màu đen loại của nữ được treo trên tường, bên trong túi xách có tiền mặt 8.000.000 đồng, một sợi dây chuyền bạch kim, một điện thoại di động hiệu IPHONE 11 và nhiều giấy tờ tùy thân, thẻ Ngân hàng của bà O. Bị cáo lấy túi xách cầm trên tay, bật đèn pin ở chế độ chớp sáng rồi tẩu thoát. Sau đó, bị cáo mang tất cả tài sản trộm được về nhà. Trên đường đi, cách nhà bị cáo 74,10m, bị cáo dừng lại lấy điện thoại ra tháo hết sim ra, rồi ném sim bỏ xuống kênh nước bên tay trái hướng đi và tắt nguồn các điện thoại. Kiểm tra trong túi xách có hộp đựng vàng, bị cáo mở ra thấy có một sợi dây chuyền bạch kim màu trắng, nghĩ rằng không có giá trị, nên bị cáo ném bỏ sợi dây chuyền và hộp đựng xuống kênh nước. Tiếp đó, bị cáo mở các bao lì xì Tết lấy hết tiền có trong túi xách bỏ vào túi quần dài bên trái, ném bỏ các bao

lì xì xuống kênh nước. Rồi bị cáo đi về nhà lấy túi nilon đen đựng tất cả điện thoại vừa trộm được treo trên cây xoài trước nhà, còn túi xách màu đen cùng toàn bộ giấy tờ thì được để dưới gốc cây xoài và dùng lá cây phủ lên.

Ngày 16/02/2021, bị cáo lấy ba chiếc điện thoại di động đi qua khỏi cầu C, vào quán cà phê gọi đầu MiMi ở ấp P xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre do ông Đoàn Văn Th làm chủ để bán các điện thoại di động cho những người không quen biết và bị cáo cũng không biết họ tên, địa chỉ, cụ thể bị cáo bán điện thoại IPHONE 11 được 3.500.000 đồng, bán điện thoại IPHONE XS MAX được 3.000.000 đồng và bán điện thoại IPHONE 6 được 1.000.000 đồng. Sau đó, bị cáo quay về nhà. Số tiền có được từ bán điện thoại bị cáo lấy tiêu sài cá nhân hết.

Tối ngày 16/02/2021, bị cáo lấy túi xách đen đựng toàn bộ giấy tờ, thẻ Ngân hàng của bà Nguyễn Thị O đi đến trước nhà bà Lê Thị Th (gần nhà ông Nguyễn Văn D) để túi xách lại, để trả lại các giấy tờ cho bà O.

Sáng ngày 17/02/2021, bà Th phát hiện túi xách của bà O, nên trình báo cơ quan chức năng tạm giữ và sau đó trả lại cho chủ sở hữu.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L yêu cầu định giá tài sản bị mất trộm: Một điện thoại di động IPHONE XS MAX, màu vàng gold, dung lượng bộ nhớ 64GB; Một điện thoại di động IPHONE 6, màu xám, dung lượng bộ nhớ 16GB; Một điện thoại di động IPHONE 11, màu xanh, dung lượng bộ nhớ 64GB và một dây chuyền bạch kim, loại dây lá me, có mặt bằng bạch kim hình chữ G, tổng trọng lượng 09g. Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-ĐGTS ngày 23/02/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L xác định: Tại thời điểm bị xâm hại, điện thoại di động IPHONE XS MAX này có giá trị 11.000.000 đồng, điện thoại di động IPHONE 6 có giá trị 1.500.000 đồng, điện thoại di động IPHONE 11 có giá trị 10.000.000 đồng và dây chuyền bạch kim lá me có giá trị 8.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị xâm hại là 30.500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả lại:

- Ngày 17/02/2021, trả cho bà Nguyễn Thị O: Một giấy chứng minh nhân dân; Một thẻ đảng viên; Một giấy phép lái xe hạng A1; Một thẻ bảo hiểm y tế; Một thẻ đoàn viên; Một thẻ ATM Ngân hàng Agribank và một thẻ chuyên viên, tất cả đều mang tên Nguyễn Thị O; Một thẻ ATM Ngân hàng Agribank mang tên Mai Thanh Đ; Một thẻ học sinh mang tên Mai Thiên H.

- Ngày 26/8/2021, trả cho ông Nguyễn Văn B: Một cây đàn Organ Roland E-A7 màu đen, phím đàn đen - trắng, kèm theo bộ sạc nguồn; Một túi vải màu đen đã qua sử dụng dùng để đựng cây đàn Organ Roland E-A7, kích thước dài 1,06m, ngang 0,35m, rộng 0,15m; Hai sợi dây điện tròn, có vỏ ngoài đã qua sử dụng, mỗi sợi dài 4,04m.

- Ngày 06/10/2021, trả cho ông Lâm Văn D: Một điện thoại di động đã qua sử dụng hiệu OPPO F9 màu bạc đen, số IMEI 1: 866376043802799, số IMEI 2: 866376043802781, có gắn sim số 0777844944 và 0394357776.

- Ngày 30/10/2021, trả cho bà Nguyễn Thị T: Một cái đèn pin loại đội đầu đã qua sử dụng, không có dây đeo, vỏ ngoài bằng nhựa màu đỏ, có chữ Q C PASSED.

Vật chứng thu giữ gồm: Một xe mô tô cũ đã qua sử dụng, mang biển kiểm soát 84L1-069.93, xe mất nhiều bộ phận; Một cái đèn pin loại đội đầu đã qua sử dụng, có dây đeo, vỏ ngoài bằng nhựa màu đen, có dòng chữ ZHU GUANG.

Đối với ông Lâm Văn D khi cho bị cáo A gửi lại cây đàn Organ (lấy trộm của ông B) tại nhà ông thì không biết là tài sản gì, nguồn gốc từ đâu, cũng không biết do bị cáo lấy trộm và khi Cơ quan điều tra làm việc, ông D đã giao nộp lại cây đàn kèm theo toàn bộ phụ kiện liên quan; Đối với ông Phạm Thanh L là người bị cáo A đến kêu bán cây đàn Organ, nhưng do nghi ngờ về nguồn gốc cây đàn, nên không mua, cũng không giới thiệu người khác mua cây đàn; Đối với ông Lê Thành Th là người giao xe mô tô biển số 84L1-069.93 (xe thuộc sở hữu của ông Lê Đình Q là anh ruột của ông Th) cho bị cáo A mượn điều khiển, nhưng không biết bị cáo lấy xe này đi thực hiện hành vi phạm tội; nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện không xử lý đối với các đương sự.

Đối với những người mua điện thoại di động từ bị cáo A trộm cắp được, do bị cáo trình bày không biết họ tên, địa chỉ, số điện thoại những người mua, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L sẽ xác minh xử lý sau.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 04/2022/HS – ST, ngày 08 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh đã xét xử.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào các Điều 45, 260, 268, 269, 299 Bộ luật tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 04/8/2021.

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và dành quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 21/02/2022 bị cáo Nguyễn Văn A kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 16/3/2022 chị Nguyễn Thị Kim Th kháng cáo tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn A theo điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn A đã khai nhận hành vi phạm tội của mình và thừa nhận bản án sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh là đúng với hành vi của bị cáo, bị cáo không kháng cáo về tội danh và xin rút lại đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị hại Nguyễn Thị Kim Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong đơn có nêu giữ nguyên yêu cầu kháng cáo về việc đề nghị áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự và đề nghị tăng hình phạt

đối với bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo và người bị hại đều không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi xem xét toàn diện nội dung vụ án, lời thừa nhận phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo thừa nhận vào ngày 04/8/2021, bị cáo trực tiếp đến trộm cây đàn Organ của ông Nguyễn Văn B trị giá 13.000.000 đồng và ngày 15/02/2021 bị cáo trộm tài sản và tiền tại nhà ông Nguyễn Văn D trị giá 38.500.000 đồng. Do đó bản án sơ thẩm quy kết bị cáo Nguyễn Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng pháp luật. Mức hình phạt mà bản án sơ thẩm tuyên đối với bị cáo Nguyễn Văn A 05 năm tù là đã đánh giá đúng tính chất vụ án và áp dụng cho bị cáo mặc dù trong vụ án này bị cáo phạm tội hai lần và cả hai lần mỗi lần thực hiện hành vi phạm tội đều đủ định lượng yếu tố cấu thành tội phạm nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự khi xét xử là thiếu sót. Vì vậy việc người bị hại kháng cáo đề nghị áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự làm tình tiết tăng nặng là có cơ sở. Trong quá trình điều tra bị cáo khai ra lần phạm tội trước đó và đều đủ định lượng cấu thành tội phạm và bị xét xử ngày hôm nay như cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tự thú để làm giảm nhẹ cho bị cáo là thiếu sót. Tuy nhiên về việc đề nghị cấp phúc thẩm áp dụng bổ sung nhưng việc áp dụng một tình tiết tăng nặng và một tình tiết giảm nhẹ cũng không làm thay đổi hình phạt 05 năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo và tại phiên tòa hôm nay mặc dù người bị hại kháng cáo đề nghị tăng hình đối với bị cáo mà không cung cấp tình tiết tăng nặng nào mới. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, điều 356 không chấp nhận kháng cáo của người bị hại tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn A, riêng đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn A. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn A xin rút lại đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần kháng cáo của bị cáo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Văn A mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A và bị hại Nguyễn Thị Kim Th là trong hạn luật định nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Văn A xin rút đơn kháng cáo và việc rút đơn kháng cáo của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc vì vậy việc rút đơn kháng cáo của bị cáo là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A.

Đối với kháng cáo của người bị hại Hội đồng xét xử nhận thấy tại phiên tòa bị cáo khai hành vi phạm tội của bị cáo hai lần thực hiện tội phạm với định lượng trên 50.000.000 đồng và lời thừa nhận của bị cáo là phù hợp với tài liệu hồ sơ vụ án. Cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội trộm cắp tài sản theo tình tiết định khung điểm c, g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất của vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Khi xét xử cấp sơ thẩm cũng đã xét các tình tiết giảm nhẹ như thật thà khai báo, ăn năn, hối cải, theo quy định điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm cũng đã nhận định bản thân bị cáo là nhân dân lao động, có hoàn cảnh khó khăn, áp dụng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo. nhưng qua xem xét thì Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với bị cáo như sau; khi bị bắt và trong quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện khai ra lần thực hiện tội phạm trước đó chưa bị ai phát hiện là thuộc trường hợp áp dụng tình tiết giảm nhẹ, tự thú quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo khai hai lần thực hiện tội phạm cả hai lần đều đủ định lượng cấu thành tội phạm về tội trộm cắp tài sản là thuộc trường hợp áp dụng tình tiết tăng nặng phạm tội hai lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, nhưng cấp sơ thẩm không áp dụng đầy đủ khi xét xử như đã phân tích nêu trên. Xét thấy việc thiếu sót của cấp sơ thẩm tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm áp dụng bổ sung, tuy nhiên việc áp dụng bổ sung một tình tiết giảm nhẹ khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự và một tình tiết tăng nặng khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự cũng không làm thay đổi hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng, 05 năm tù để xét xử bị cáo là đúng tính chất vụ án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay người bị hại kháng cáo yêu cầu áp dụng điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có cơ sở. Tuy nhiên về việc yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo là không có cơ sở như phân tích trên. Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị Kim Th yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn A.

Tuy nhiên, với những sai sót như đã phân tích nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm đề nghị Tòa án cấp sơ thẩm cần phải nghiêm túc rút kinh nghiệm để khắc phục trong việc áp dụng pháp luật.

[4] Xét quan điểm của Kiểm sát viên xét xử phúc thẩm đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Xét hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố; xét thấy các quyết định của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân; hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên đều đúng quy định pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối nên các quyết định và hành vi trên đều hợp pháp.

[6] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn A và bị hại Nguyễn Thị Kim Th không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a, b khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị hại Nguyễn Thị Kim Th về việc yêu cầu tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn A.

Chấp nhận về việc rút kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn A, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bị cáo.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 04/2022/HS-ST ngày 08/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Trà Vinh về hình phạt, sửa án sơ thẩm về áp dụng pháp luật.

Căn cứ vào các điểm c, g khoản 2 Điều 173, điểm s, r khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 05 (Năm) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giam là ngày 04/8/2021.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Văn A và người bị hại Nguyễn Thị Kim Th không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, không sửa đổi, bổ sung đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Trại tạm giam;
- TAND huyện L;
- VKSND huyện L;
- CA huyện L;
- CC THADS huyện. L;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Thành